

Bản án số: 202/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 9 - 2024

“V/v Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Công Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Sơn**

Ông **Huỳnh Bá Dương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Bích Thủy** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 80/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp *“Ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2025/QĐST – HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1993; Trú tại: thôn H, phường L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Cao L**, sinh năm 1993; Trú tại: Lô B Khu đô thị F, phường N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2025 và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Cao L có thời gian làm việc tại Nhật Bản và quen nhau, sau đó có con chung với nhau, năm 2020 bà về Việt Nam sinh con. Tháng 4/2021 bà và ông L làm thủ tục đăng ký kết hôn tại thành phố Y, tỉnh Fukuoka, Nhật Bản và đã được ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn tại UBND huyện H, thành phố Đà Nẵng ngày 20/4/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống và làm việc tại Nhật Bản đến cuối năm 2023 thì cùng về Việt Nam sinh sống. Lúc về Việt Nam, bà và ông L cùng chung sống tại nhà mẹ ông L tại lô B khu đô thị F, phường N, thành phố Đà Nẵng. Cuộc sống hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Mặc dù đã cố hàn gắn

tình cảm để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng mâu thuẫn vẫn ngày càng trầm trọng. Hiện bà đã cùng con dọn về sống với cha mẹ bà tại thôn H, phường L đến nay, vợ chồng không còn quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau.

Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Cao L.

Về con chung: Giữa bà và ông L có 01 con chung là Nguyễn Minh S, sinh ngày 10/5/2020. Ly hôn nguyện vọng của bà được trực tiếp nuôi con và đề nghị ông S phải cấp dưỡng nuôi con. Về mức cấp dưỡng nuôi con, tại đơn khởi kiện bà đề nghị cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000đ nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà thay đổi mức cấp dưỡng, đề nghị Toà án tuyên buộc ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Quá trình thụ lý vụ án Toà án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Cao L nhưng ông L không có ý kiến phản hồi về vụ án. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng như tại các phiên toà ông L đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

* Biên bản xác minh ngày 14/8/2025 tại tổ dân phố số D, phường H là phường N thể hiện ông Nguyễn Cao L và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng và trước đây có sinh sống tại địa chỉ lô B Khu đô thị F, phường N, thành phố Đà Nẵng. Về mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nắm nhưng hiện nay bà H cùng con là Nguyễn Minh S không còn cư trú tại địa chỉ này; Vấn đề tài sản chung và nợ chung địa phương không xác định.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, quá trình giải quyết đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Bị đơn Nguyễn Cao L không có phản hồi về vụ án và tại phiên toà ông L vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt ông L là đảm bảo về thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Cao L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Qua trình bày của bà H cũng như kết quả xác minh của Toà án có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H với ông L đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Cao L; Về con chung, hiện nay con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Minh S, sinh ngày 10/5/2020 đang ở với bà H do đó để đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu S cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và buộc ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

Đối với vấn đề tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn xác định không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu, yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề của vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Cao L cư trú tại lô B Khu đô thị F, phường N, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, gửi đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi về vụ án. Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Cao L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà H trình bày là do bất đồng quan điểm sống, ông L hiện đã có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Tòa án cũng đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông L và mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải để động viên vợ chồng về cùng chung sống, nuôi dạy con cái nhưng ông L không có ý kiến phản hồi, không đến Tòa án. Tại các phiên tòa ông L đều vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; Theo xác nhận của bà H và kết quả xác minh tại địa phương cũng thể hiện vợ chồng ông L, bà H không còn chung sống với nhau, hôn nhân thực tế không còn. Điều này thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà được ly hôn với ông L.

[2.2] Về con chung: Giữa bà H và ông L có 01 con chung là Nguyễn Minh S, sinh ngày 10/5/2020. Hiện con chung chưa đủ 07 tuổi và đang sống chung với bà H. Quá trình giải quyết vụ án ông L cũng không có ý kiến hay tranh chấp gì về vấn đề nuôi con chung. Do đó để đảm cuộc sống con chung không bị xáo trộn và đảm bảo quyền lợi chính đáng của người mẹ là được trực tiếp chăm sóc nuôi dạy con cái, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng và buộc ông Nguyễn Cao L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ;

[2.3] Về thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Để đảm bảo nguyên tắc kịp thời đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong việc nuôi con, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ấn định buộc ông Nguyễn Cao L có nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay – 26/9/2025.

[2.4] Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Nguyên đơn xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn Cao L về việc ly hôn và nuôi con chung.

Xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Cao L.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh S, sinh ngày 10/5/2020 cho bà Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc ông Nguyễn Cao L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/9/2025, cấp dưỡng vào ngày 26 hàng tháng.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu cấp dưỡng có đơn yêu cầu cấp dưỡng, nếu người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng. Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn trình bày không có tài sản chung nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001075 ngày 23/7/2025 tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng (*Bà H đã nộp đủ án phí*). Buộc ông Nguyễn Cao L phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND KV2 – Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Đương sự;
- UBND xã Hoà Vang;
- (Đk ngày 05/4/2021 tại
Tp Yukuhashi, tỉnh Fukuoka, Nhật Bản;
Ghi vào sổ hộ tịch
số 03 ngày 20/4/2021)
- THA DS Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Công Quốc